

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Nhà nước thể chế hóa Đường lối thể dục thể thao của Đảng Cộng sản Việt Nam các giai đoạn đầu thế kỷ XXI

6. Trương Anh Tuấn

Một số kết quả quan trọng đạt được sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020

BÀI BÁO KHOA HỌC

10. Nguyễn Văn Phúc

Thực trạng rủi ro thương tích trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

15. Nguyễn Thu Hương; Lê Hoài Nam; Nguyễn Quốc Việt

Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

22. Phan Quốc Chiến

Thực trạng hoạt động tập luyện thể dục thể thao của người cao tuổi Việt Nam tại các câu lạc bộ

27. Nguyễn Cẩm Ninh; Phan Thị Điều

Thực trạng mức độ đáp ứng, xu hướng và nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực cử nhân Thể dục thể thao ngành Quản lý Thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

33. Nguyễn Đại Dương; Trần Bá Thắng

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong huấn luyện võ thuật cho học viên chuyên cấp đặc nhiệm tại Học viện Khoa học Quân sự

38. Nguyễn Hoài Phương

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thi kết thúc học phần môn Bóng ném cho sinh viên ngành sư phạm Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

41. Vũ Tiến Thành

Thực trạng công tác phát triển thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Dược Hà Nội

47. Vũ Bá Mỹ

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả tập luyện môn Bóng rổ cho sinh viên Trường Đại học Điện Lực

51. Đỗ Quốc Hùng

Xây dựng chương trình tập luyện môn thể dục Aerobic ngoại khóa cho sinh viên nữ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

57. Đậu Thị Lợi; Nguyễn Thị Thảo Mai

Thực trạng kỹ năng sư phạm thực hành của sinh viên chuyên ngành Bơi, ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

61. Nguyễn Ngọc Minh; Hà Minh Hải

Thực trạng công tác kiểm tra – đánh giá môn học Giáo dục thể chất tại Trung tâm giáo dục thể chất và thể thao, Đại học Quốc gia Hà Nội

66. Nguyễn Gia Thuận; Nguyễn Đại Nhân

Thực trạng nguồn nhân lực huấn luyện viên các câu lạc bộ Golf tại Việt Nam

70. Vũ Thành Long; Nguyễn Thị Thu Hiền

Thực trạng sử dụng các biện pháp hồi phục cho nữ vận động viên Đội tuyển trẻ Quốc gia

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

75. Nguyễn Văn Đông

Phygital - loại hình thể thao mới trong tương lai

77. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu; Nguyễn Tiên Quân

Bài tập nâng cao thể lực với con lăn

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The State institutionalizes the sports line of the Communist Party of Vietnam in the early stages of the 21st century

6. Truong Anh Tuan

A number of important results have been achieved after 10 years of implementing Resolution No. 08 of the Politburo on strengthening the leadership of the Party, creating a strong development step in sport and physical education by 2020

ARTICLES

10. Nguyen Van Phuc

Situation of injury risk in sports activities in Vietnam

15. Nguyen Thu Huong; Le Hoai Nam; Nguyen Quoc Viet

Current status of soft skills of students at Bac Ninh Sports University

22. Phan Quoc Chien

The current situation of the movement of exercise and sports for the elderly in Vietnam

27. Nguyen Cam Ninh; Phan Thi Dieu

Current status of response, trends and social needs for human resources bachelors of Sports in Sports Management Major at Bac Ninh Sports University

33. Nguyen Dai Duong; Tran Ba Thang

Choosing exercises to develop strength and speed in martial arts training for special forces students at Military Academy Science

38. Nguyen Hoai Phuong

Developing evaluation criteria for the end-of-course exam in handball for pedagogical students at Hanoi National University of Education

41. Vu Tien Thanh

Situation of general physical fitness development for first-year students at Hanoi University of Pharmacy

47. Vu Ba My

Selecting exercises to improve basketball training efficiency for students of Electric Power University

51. Do Quoc Hung

Building an extra-curricular aerobics exercise program for female students at Hanoi Pedagogical University 2

57. Dau Thi Loi; Nguyen Thi Thao Mai

The current situation of practical pedagogical skills of students in Swimming, Physical Education major, Bac Ninh Sports University

61. Nguyen Ngoc Minh; Ha Minh Hai

Current status of the examination and assessment of physical education subjects at the Center for Physical Education and Sports, Vietnam National University, Hanoi

66. Nguyen Gia Thuan; Nguyen Dai Nhan

Assessing the current situation of human resources of Golf club coaches in Vietnam

70. Vu Thanh Long; Nguyen Thi Thu Hien

Actual situation of using recovery measures for female athletes of the National Youth Team

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

75. Nguyen Van Dong

Phygital – new type of sports in the future

77. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu; Nguyen Tien Quan

Exercises to improve fitness with rollers

80. Rules of writing and posting.

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thu Hương⁽¹⁾; Lê Hoài Nam⁽¹⁾

Nguyễn Quốc Việt ⁽¹⁾

Tóm tắt:

Sử dụng phương pháp phỏng vấn trên 3 nhóm đối tượng giảng viên, sinh viên và người sử dụng lao động để đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua 7 kỹ năng mềm đặc trưng cần thiết (kỹ năng thuyết trình; kỹ năng học và tự học; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng giải quyết vấn đề) với 37 tiêu chí đánh giá. Kết quả cho thấy: kết quả đánh giá của nhóm người sử dụng lao động và cán bộ, giảng viên đạt được ở mức độ khá và sinh viên tự đánh giá ở mức độ trung bình; đánh giá tổng hợp ở mức độ khá (cận dưới). Các kỹ năng riêng lẻ đều được đánh giá ở mức trung bình và khá, không có tiêu chí nào được các nhóm đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ tốt.

Từ khóa: Thực trạng, kỹ năng mềm, sinh viên, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Current status of soft skills of students at Bac Ninh Sports University

Summary:

Using interview method on 3 groups of lecturers, students and employers to assess the current situation of soft skills of students of Bac Ninh Sports University through 7 essential soft skills (presentation skills; study and self-study skills; communication skills; teamwork skills; planning and work organization skills; creative thinking skills; problem solving skills) with 37 evaluation criteria. The results show that: the assessment results of the group of employers and staff and lecturers achieved a good level and the students self-assessed at an average level; Overall assessment is at a good level (lower bound). Individual skills are all assessed at average and good level, with no criteria being assessed at a good level by the survey target groups.

Keywords: Current situation, soft skills, students, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng mềm là một thuật ngữ xã hội học chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử áp dụng vào việc giao tiếp giữa người với người... Kỹ năng mềm là những kỹ năng có liên quan đến việc hòa mình vào, sống với hay tương tác với xã hội, cộng đồng, tập thể hoặc tổ chức và thực tế chứng minh rằng, những người thành đạt chỉ có 20-25% là do những kiến thức chuyên môn, 75-80% còn lại được quyết định bởi những kỹ năng mềm họ được trang bị... Những nhà tuyển dụng rất coi trọng các kỹ năng mềm, bởi vì các nghiên cứu chỉ ra rằng chúng là một nhân tố đánh giá rất hiệu quả bên cạnh những kỹ năng công việc truyền thống hay còn gọi là kỹ năng cứng. Sở

hữu kỹ năng mềm là một lợi thế trước nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu chi tiết về xu thế ngành nghề và đặc điểm của sinh viên (SV) các trường đại học TDTT nói chung và SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nói riêng để xác định các kỹ năng mềm đặc thù và đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của SV Nhà trường, từ đó tác động các giải pháp phù hợp, có hiệu quả để phát triển kỹ năng mềm cho SV Nhà trường lại chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của SV Nhà trường là cần thiết, cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

phỏng vấn, phương pháp toán học thống kê.

Việc đánh giá thực trạng kỹ năng mềm cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được tiến hành khảo sát trên 3 nhóm đối tượng: SV tự đánh giá; cán bộ, giảng viên đánh giá SV và người sử dụng lao động (đúng ngành nghề) đánh giá. Phân bổ mẫu khảo sát:

76 SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tự đánh giá về kỹ năng mềm của bản thân (thời điểm phỏng vấn: Kết thúc học kỳ 2 năm học thứ 4);

36 cán bộ, giảng viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đánh giá về kỹ năng mềm của SV Nhà trường;

32 cán bộ sử dụng lao động của Nhà trường đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của SV có làm việc đúng ngành nghề.

Thời điểm khảo sát: Tháng 6/2022.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Để đánh giá kỹ năng mềm chính xác và phù hợp với đối tượng SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, qua tham khảo tài liệu, quan sát sự phạm và phỏng vấn các chuyên gia, đề tài đã xác định được 7 kỹ năng mềm đặc trưng cần thiết được trang bị cho SV, trên cơ sở đó, lựa chọn

được 37 tiêu chí đánh giá 7 kỹ năng mềm cần thiết cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Việc đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của đối tượng nghiên cứu được tiến hành thông qua phỏng vấn 3 nhóm đối tượng Sinh viên tự đánh giá; cán bộ, giảng viên đánh giá sinh viên và người sử dụng lao động (đúng ngành nghề) đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức, tương ứng: Tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

Song song với phân tích kết quả phỏng vấn thu được của từng nhóm, chúng tôi tiến hành so sánh sự khác biệt kết quả trả lời của 3 nhóm đối tượng phỏng vấn đánh giá về thực trạng kỹ năng mềm của đối tượng nghiên cứu.

Việc phân tích, đánh giá thực trạng được tiến hành theo từng nhóm kỹ năng riêng biệt, gồm: kỹ năng thuyết trình; kỹ năng học và tự học; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng giải quyết vấn đề.

1. Thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1. Qua bảng 1 cho thấy:

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Phong thái tự tin, cởi mở, không sợ hãi	105	2.92	228	3	87	2.72	0.729	>0.05
2	Mở đầu bài thuyết trình thu hút, gây ấn tượng mạnh mẽ	98	2.72	216	2.84	93	2.91		
3	Khả năng trình bày vấn đề khoa học, dễ hiểu, nội dung có giá trị	112	3.11	223	2.93	98	3.06		
4	Giọng nói dễ nghe, phối hợp tốt với ngôn ngữ cơ thể	108	3	219	2.88	92	2.88		
5	Tương tác tốt với người nghe	98	2.72	221	2.91	95	2.97		
6	Quản lý thời gian thuyết trình phù hợp	112	3.11	207	2.72	91	2.84		
7	Kết thúc và tổng hợp rõ ràng, ấn tượng	107	2.97	205	2.7	89	2.78		
	Trung bình:	105.71	2.94	217	2.86	92.14	2.88		

Nhóm các tiêu chí đánh giá kỹ năng thuyết trình của SV hầu hết chỉ được đánh giá ở mức trung bình với điểm trung bình đạt được từ 2.70 tới 3.11 điểm. Điểm trung bình đánh giá của các nhóm đối tượng khảo sát gồm sinh viên, cán bộ giảng viên và người lao động có chênh lệch không nhiều và khác biệt không có ý nghĩa thống kê khi so sánh bằng thuật toán thống kê ($P > 0.05$). Điểm đánh giá cao nhất thuộc nhóm cán bộ, giảng viên khi đánh giá về SV của mình. Sinh viên tự đánh giá và kết quả đánh giá của người sử dụng lao động tương đương nhau (chênh lệch trung bình 0.02 điểm).

Thuyết trình là kỹ năng rất quan trọng trong các lĩnh vực công tác sau khi ra trường của SV, chính vì vậy, nâng cao khả năng thuyết trình cho SV là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả dạy học cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh sau khi tốt nghiệp.

2. Thực trạng kỹ năng học và tự học của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng học và tự học của SV được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng học và tự học của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Kế hoạch và mục tiêu học tập rõ ràng	109	3.03	215	2.83	114	3.56	2.590	<0.05
2	Phương pháp học tập phù hợp với đặc điểm cá nhân	109	3.03	223	2.93	112	3.5		
3	Tính kỷ luật cao	135	3.75	221	2.91	106	3.31		
4	Chủ động học tập và tìm kiếm tài liệu	114	3.17	209	2.75	112	3.5		
5	Khả năng chọn lọc thông tin, kiến thức	126	3.5	217	2.86	121	3.78		
6	Khả năng hiểu, ôn tập và kiểm tra các nội dung đã học	112	3.11	218	2.87	99	3.09		
Trung bình:		117.5	3.26	217.17	2.86	110.67	3.46		

Qua bảng 2 cho thấy: Ở nhóm tiêu chí đánh giá thực trạng kỹ năng học và tự học của SV có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm đánh giá, trong đó nhóm SV có xu hướng đánh giá kỹ năng học và tự học của bản thân thấp nhất, sau đó tới nhóm cán bộ, giảng viên của Trường. Nếu như nhóm SV và cán bộ, giảng viên đánh giá kỹ năng này chỉ dừng lại ở mức trung bình thì nhóm người sử dụng lao động lại đánh giá ở mức khá, cụ thể: cao nhất thuộc các tiêu chí đánh giá khả năng chọn lọc thông tin, kiến thức; khả năng lập kế hoạch và mục tiêu; Phương pháp học tập phù hợp với đặc điểm cá

nhân và chủ động học tập, tìm kiếm tài liệu. Các tiêu chí khác có điểm trung bình ít hơn.

Khi so sánh kết quả đánh giá của các nhóm cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$.

Kết quả đánh giá điểm trung bình về kỹ năng tự học của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đạt được cao hơn so với kỹ năng thuyết trình.

3. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Các tiêu chí đánh giá

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Hiểu biết về mục đích giao tiếp	134	3.72	239	3.14	126	3.94	0.29	>0.05
2	Kỹ năng gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp	141	3.92	246	3.24	135	4.22		
3	Kỹ năng lắng nghe tích cực	121	3.36	235	3.09	124	3.88		
4	Kỹ năng nắm bắt đặc điểm đối tượng giao tiếp	143	3.97	244	3.21	136	4.25		
5	Kỹ năng phối hợp phương tiện giao tiếp	149	4.14	249	3.28	138	4.31		
6	Kỹ năng kiềm chế cảm xúc trong giao tiếp	135	3.75	237	3.12	127	3.97		
	Trung bình:	137.17	3.81	241.67	3.18	131	4.09		

kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đều được các cán bộ, giảng viên và người sử dụng lao động đánh giá ở mức độ khá, thậm chí nhóm đối tượng người sử dụng lao động còn đánh giá tiệm cận mức tốt (điểm trung bình đạt được là 4.09), tuy vậy, các SV chỉ đánh giá mình đạt ở mức độ trung bình, tiệm cận mức khá (điểm trung bình đạt được là 3.18). Ở tất cả các chỉ tiêu đánh giá riêng lẻ, kết quả tự đánh giá của SV đều thấp hơn các nhóm đối tượng còn lại. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm bằng thuật toán cho thấy chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Các tiêu chí được đánh giá cao nhất trong kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh gồm: Kỹ năng phối hợp phương tiện giao tiếp; Kỹ năng nắm bắt đặc điểm đối tượng giao tiếp và Kỹ năng gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp. Đây là ưu điểm có thể tác động để phát huy tốt hơn nữa của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

4. Thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của SV được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Kỹ năng làm việc tốt với người khác	136	3.78	236	3.11	128	4	0.468	>0.05
2	Kỹ năng lắng nghe hiệu quả	123	3.42	231	3.04	121	3.78		
3	Kỹ năng giải quyết xung đột	121	3.36	228	3	136	4.25		
4	Kỹ năng tạo sự đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ	135	3.75	261	3.43	133	4.16		
	Trung bình:	128.75	3.58	239	3.14	129.5	4.05		

Qua bảng 4 cho thấy: Tương tự như nhóm các tiêu chí đánh giá kỹ năng giao tiếp, các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của SV Nhà trường cũng được đánh giá tương đối cao. Ở nhóm tiêu chí này, cả nhóm đối tượng cán bộ, giảng viên và người sử dụng lao động đều đánh giá ở mức khá, riêng nhóm SV đánh giá ở mức trung bình, tiệm cận khá (điểm trung bình đạt được 3.14). Đây cũng là một trong những kỹ năng mềm thể mạnh của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Hoạt động TDTT là hoạt động tập thể, chính vì

vậy, việc phát triển các kỹ năng phối hợp nhóm, làm việc nhóm rất quan trọng đối với SV Nhà trường cũng như sau khi ra trường tham gia vào các lĩnh vực công tác. Thực tế trên cho thấy, phát huy thể mạnh của kỹ năng làm việc nhóm cho SV là vấn đề quan trọng, cần tiếp tục được quan tâm.

5. Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc của SV được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Kỹ năng xác định mục tiêu của kế hoạch	112	3.11	235	3.09	125	3.91	0.194	>0.05
2	Kỹ năng xác định quy trình, các hoạt động thực hiện kế hoạch	116	3.22	229	3.01	126	3.94		
3	Kỹ năng quản lý thời gian, CSVC hiệu quả	121	3.36	237	3.12	121	3.78		
4	Kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện	118	3.28	216	2.84	124	3.88		
	Trung bình:	116.75	3.24	229.25	3.02	124	3.88		

Phân tích kết quả bảng 5 cho thấy: Ở nhóm các tiêu chí đánh giá kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, nếu như đối tượng giảng viên và sinh SV chỉ đánh giá tổng hợp ở mức độ trung bình, thì người sử dụng lao động lại đánh giá ở mức độ khá với kết quả đánh giá các tiêu chí lẻ đạt được từ 3.78 tới 3.91 điểm.

Lập kế hoạch và tổ chức công việc là vấn đề rất quan trọng để có thể hoàn thành công việc một cách hiệu quả. Như vậy, phát triển kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc có vai trò rất quan trọng trong mục tiêu đáp ứng nhu cầu xã hội trong đào tạo SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

6. Thực trạng kỹ năng tư duy sáng tạo của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá được trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy: Kỹ năng tư duy sáng tạo của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được đội ngũ cán bộ, giảng viên và người sử dụng lao động đánh giá ở mức khá ở hầu hết các tiêu chí. Các tiêu chí được đánh giá cao nhất gồm kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng sáng tạo. Đây là những kỹ năng mạnh cần phát huy của SV Nhà trường. Bản thân SV tự đánh giá về kỹ năng tư duy sáng tạo thấp hơn so với các nhóm đối tượng còn lại.

7. Thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề và tổ chức công việc của SV được trình bày tại bảng 7.

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng tư duy sáng tạo của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Kỹ năng suy nghĩ một cách hệ thống	136	3.78	243	3.2	123	3.84	0.023	>0.05
2	Kỹ năng sáng tạo	143	3.97	246	3.24	128	4		
3	Tầm nhìn và tư duy chiến lược	132	3.67	238	3.13	119	3.72		
4	Kỹ năng xác định mối quan hệ giữa các vấn đề	138	3.83	243	3.2	125	3.91		
5	Kỹ năng tư duy phản biện	141	3.92	241	3.17	131	4.09		
Trung bình:		138	3.83	242.2	3.19	125.2	3.91		

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=144)

TT	Tiêu chí - Nội dung đánh giá	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
1	Kỹ năng sử dụng các kỹ thuật ra quyết định giải quyết vấn đề	125	3.47	253	3.33	125	3.91	1.080	>0.05
2	Kỹ năng đánh giá rủi ro trong các quyết định	129	3.58	256	3.37	119	3.72		
3	Kỹ năng dự đoán và cung cấp các giải pháp thay thế	131	3.64	221	2.91	121	3.78		
4	Kỹ năng xác định các vấn đề chính trong một vấn đề khó khăn	126	3.50	234	3.08	128	4.00		
5	Kỹ năng kết hợp và thu thập thông tin	133	3.69	225	2.96	123	3.84		
Trung bình:		128.8	3.58	237.8	3.13	123.2	3.85		

Phân tích kết quả bảng 7 chúng tôi rút ra nhận xét sau:

Ở nhóm kỹ năng giải quyết vấn đề của SV, tương tự như kết quả đánh giá các kỹ năng khác, điểm đánh giá cao nhất vẫn thuộc về nhóm đối tượng sử dụng lao động với điểm đánh giá ở mức độ khá, sau đó tới nhóm cán bộ, giảng viên Trường và kết quả đánh giá thấp nhất thuộc về SV Nhà trường, tự đánh giá ở mức độ trung bình. Các tiêu chí được đánh giá tốt nhất trong nhóm là Kỹ năng xác định các vấn đề chính trong một vấn đề khó khăn, kỹ năng sử dụng các kỹ thuật ra quyết định giải quyết vấn đề và Kỹ năng kết hợp và thu thập thông tin. Trong phát triển các kỹ năng mềm cho SV Nhà trường cần phát huy hơn nữa các kỹ năng thể mạnh sở trường của SV.

8. Đánh giá tổng hợp thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Từ kết quả đánh giá thực trạng từng nhóm kỹ năng mềm của SV, chúng tôi tiến hành đánh giá tổng hợp thực trạng kỹ năng mềm của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua giá trị trung bình của từng kỹ năng riêng lẻ. Kết quả được trình bày tại bảng 8.

Bảng 8 cho thấy: Kết quả đánh giá tổng hợp thực trạng kỹ năng mềm của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh: Nhóm người sử dụng lao động và cán bộ, giảng viên đạt được ở mức độ khá và SV tự đánh giá ở mức độ khá (cận dưới). Các kỹ năng riêng lẻ đều được đánh giá ở mức trung bình và khá, không có tiêu chí nào được các nhóm đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ tốt. Các kỹ năng được đánh giá tốt nhất trong các kỹ năng mềm của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tư duy sáng tạo. Kỹ năng được đánh giá thấp nhất là kỹ năng thuyết trình (mức độ trung bình ở cả 3 nhóm đánh giá), sau đó tới

Bảng 8. Kết quả đánh giá tổng hợp thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Kỹ năng mềm	Giảng viên (n=36)		Sinh viên (n=76)		Người sử dụng lao động (n=32)		Tổng hợp	
		TB tổng điểm	Trung bình	TB tổng điểm	Trung bình	TB tổng điểm	Trung bình	Điểm trung bình	Đánh giá
1	Kỹ năng thuyết trình	105.71	2.94	217	2.86	92.14	2.88	2.89	Trung bình
2	Kỹ năng học và tự học	117.5	3.26	217.17	2.86	110.67	3.46	3.19	Trung bình
3	Kỹ năng giao tiếp	137.17	3.81	241.67	3.18	131	4.09	3.69	Khá
4	Kỹ năng làm việc nhóm	128.75	3.58	239	3.14	129.5	4.05	3.59	Khá
5	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	116.75	3.24	229.25	3.02	124	3.88	3.38	Trung bình
6	Kỹ năng tư duy sáng tạo	138	3.83	242.2	3.19	125.2	3.91	3.64	Khá
7	Kỹ năng giải quyết vấn đề	128.8	3.58	237.8	3.13	123.2	3.85	3.52	Khá
	Trung bình:	124.67	3.46	232.01	3.05	119.39	3.73	3.41	Khá

kỹ năng học và tự học, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc.

Kỹ năng mềm là tiêu chí rất quan trọng để có thể đáp ứng tốt nhu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát đã cho thấy, phát triển kỹ năng mềm cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đặc biệt là các kỹ năng còn ở mức độ trung bình. Đây là vấn đề cần thiết và cấp thiết cần được Nhà trường quan tâm.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 37 tiêu chí đánh giá 7 kỹ năng mềm cần thiết cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của SV Nhà trường thông qua khảo sát 3 nhóm đối tượng: Cán bộ, giảng viên Nhà trường, SV và người sử dụng lao động. Kết quả đánh giá của nhóm người sử dụng lao động và cán bộ, giảng viên đạt được ở mức độ khá và SV tự đánh giá ở mức độ trung bình, đánh giá tổng hợp ở mức độ khá (cận dưới). Các kỹ năng riêng lẻ đều được đánh giá ở mức trung bình và khá, không có tiêu chí nào được các nhóm đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ tốt. Các kỹ năng mềm được đánh giá tốt nhất của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tư duy sáng tạo.

Kỹ năng được đánh giá thấp nhất là kỹ năng thuyết trình, sau đó tới kỹ năng học và tự học, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Anh (1992), “Kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên”, *Luận án phó tiến sĩ khoa học Sư phạm - Tâm lý*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Đặng Thành Hưng (2016), “Vai trò của kỹ năng trong sự phát triển con người”, *Tạp chí Khoa học dạy nghề*, số 31, tháng 4/2016.

(Bài nộp ngày 8/5/2023, phản biện ngày 2/6/2023, duyệt in ngày 28/6/2023)

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thu Hường;
Email: nguyenthuhuong211202@gmail.com)



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 3 -2023
(76)**

